

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HC-PT

Ngày 14 - 10 - 2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông Nguyễn Tấn Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 170/2019/TLPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2019; về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1978 và bà **Phạm Thị Kim Đ**, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Trần Tuấn L**, sinh năm 1975; Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. có mặt.

- *Người bị kiện:*

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Lê Trí Th**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phan Khắc C**, Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Văn T**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông **Lê Văn N1**, Chuyên viên phòng Tài nguyên - Môi trường huyện N. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông **Nguyễn Kim Đ1**, Phó Giám đốc Trung tâm Bồi thường và giải phóng mặt bằng thuộc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tại phiên tòa thì;

Ngày 10/9/2013 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N ban hành Quyết định 4462/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông H với diện tích 991,2m² tại thửa 807, tờ bản đồ số 7 thuộc tờ bản đồ dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam duyệt ngày 29/11/2011.

+ *Về nguồn gốc đất:* Do cha ông là ông Phạm L1 tặng cho vợ chồng để tạo lập chỗ ở riêng và được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 09/02/2011 tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 29, diện tích 1223m². Tuy nhiên vợ chồng khó khăn nên chưa xây nhà, chỉ mới xây dựng phần móng thì thửa đất bị quy hoạch, giải tỏa. UBND huyện N đã ban hành Quyết định 4443/QĐ-UBND về công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của gia đình ông với diện tích đất lúa, tại thửa 841, tờ bản đồ số 7.

Ngày 01/11/2013, UBND huyện N ban hành Quyết định 6863/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư, nhà ở công nhân T1 - đợt 2 tại thôn M, xã T1, huyện N, số tiền bồi thường là 293.995.258 đồng.

Thửa đất trên cha mẹ ông cho vợ chồng ông mục đích để tạo lập nơi ở riêng nhằm để an cư lập nghiệp. Do thửa đất nằm trong dự án giải tỏa trắng trong đó có 150m² đất ở đã xây dựng xong phần móng, nhưng chỉ được bồi thường với số tiền 11.250.000 đồng, không bố trí tái định cư với phần đất bị thu hồi.

+ *Về bố trí tái định cư:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP; điểm a, khoản 1, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; tiết 1.2, khoản 1, Điều 29 Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam thì hộ gia đình ông đủ điều kiện để được xem xét bố trí tái định cư khi thu hồi đất.

+ Về chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

Theo quy định tại điểm c, tiết 1.1, khoản 1, Điều 29 Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam; tiết 1.1, khoản 8 Điều 2 Quyết định 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam thì gia đình ông phải được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất 32.000đ/m² theo quy định. Tuy nhiên, UBND huyện N chỉ giải quyết hỗ trợ cho gia đình ông 841,6m² đất vườn với mức 1,5 lần là không đảm bảo theo quy định.

+ Về bồi thường, hỗ trợ khác về đất nông nghiệp: Vợ chồng ông đã đầu tư công trình, vật kiến trúc để nuôi trồng thủy sản (sử dụng đất từ trước năm 2004), giai đoạn kiểm kê đang thả cá nuôi cá rô phi trên diện tích đất ao nuôi 559,3m², nhưng khi thu hồi đất lại được bồi thường về tài sản và hỗ trợ đầu tư trên đất mà không được tính bồi thường, hỗ trợ về đất.

Theo quy định tại khoản 9, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và khoản 7, Điều 9 Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam; khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013; khoản 4 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 9 Quyết định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam; khoản 1 Điều 16; đề nghị xem xét, giải quyết cho phù hợp.

+ Về diện tích đất bị thu hồi tại thửa 807, tờ bản đồ số 7:

Theo Quyết định 4462/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông với diện tích 991,2m² tại thửa 807, tờ bản đồ số 7 (theo Bản đồ duyệt ngày 29/11/2011). Trong khi đó GCNQSDĐ do UBND huyện N cấp cho hộ gia đình ông tại thửa 559, tờ bản đồ số 29 có diện tích 1223m². Do đó, diện tích đất của hộ gia đình ông bị thiếu sau giải tỏa so với GCNQSDĐ là 81,4m², diện tích đất thiếu này chưa được xem xét bồi thường. Đề nghị xem xét tiếp tục bồi thường.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại.

- Hủy Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại.

- Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân.

- Hủy Quyết định số 6863/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ.

- Buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ theo đúng quy định pháp luật.

Theo Văn bản số 266/UBND-TNMT ngày 22/3/2019 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam; lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người bị kiện tại phiên tòa thì:

+ *Về quá trình thu hồi đất:*

UBND huyện N ban hành Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn H với diện tích thực tế 991,6m² thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 7; trong đó thu hồi đất ở nông thôn 150m², loại đất cây lâu năm khác 841,6m² (theo GCNQSDĐ số BD 730185 được UBND huyện N cấp ngày 09/02/2011 cho ông Phạm Văn H là thửa 559, tờ bản đồ số 29, tại thôn M, xã T1, huyện N) để xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư, nhà ở công nhân T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4462/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông H là đúng chủ sử dụng đất, đúng diện tích, loại đất và đúng thẩm quyền theo quy định. Hơn nữa, ông H nhận Quyết định 4462/QĐ-UBND vào ngày 07/10/2013 nên căn cứ theo quy định tại Điều 116 Luật TTHC thì việc ông H khởi kiện Quyết định số 4462/QĐ-UBND của UBND huyện N là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, việc ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4462/QĐ-UBND là không có cơ sở.

+ *Về quá trình bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:*

Ngày 01/11/2013 UBND huyện N ban hành Quyết định 6863/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Phạm Văn H là đúng với quy định tại Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định 34/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định 03/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND huyện N. Mặt khác, ông H nhận Quyết định 6863/QĐ-UBND vào ngày 07/11/2013 nên căn cứ Điều 116 Luật TTHC thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H đề nghị hủy Quyết định 6863/QĐ-UBND là không có cơ sở.

+ *Về quá trình ban hành Quyết định và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:*

Ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 3193/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông H. Tuy nhiên, sau khi vận động, thuyết phục hộ ông H đã bàn giao mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND huyện N nên không thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 3193/QĐ-UBND. Đến nay thời hạn thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N đã hết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H đề nghị hủy Quyết định 3193/QĐ-UBND là không có cơ sở.

+ Về việc giải quyết khiếu nại:

Hộ ông Phạm Văn H không bàn giao mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND huyện N nên ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 3194/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích đất thực tế hộ ông H đang sử dụng là 991,6m² thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 7; trong đó thu hồi đất ở nông thôn 150m², loại đất cây lâu năm khác 841,6m².

Việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 về việc giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về quy trình giải quyết khiếu nại. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại là không có cơ sở.

Từ những cơ sở trên, xét thấy việc người khởi kiện yêu cầu buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

Theo Văn bản số 1677/UBND-NC ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam; lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người bị kiện tại phiên tòa thì:

Về cưỡng chế thu hồi đất: Hộ ông Phạm Văn H không bàn giao mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND huyện N đối với diện tích đất thực tế hộ ông H đang sử dụng là 991,6m² thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 7; trong đó thu hồi đất ở nông thôn 150m², loại đất cây lâu năm khác 841,6m². Do đó, ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 3194/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất là từ ngày 14/4/2017 đến ngày 24/5/2017.

Sau khi vận động, thuyết phục nhưng hộ ông H vẫn không bàn giao mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND huyện N. Do đó, ngày 11/5/2017 Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông H theo Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện N.

Không thống nhất với việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện N nên ông H khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 không chấp nhận nội dung khiếu nại. Ông H không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N nên ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

Xét thấy, việc cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện N đối với hộ ông Phạm Văn H được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013 và Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 20 Quyết định 3219/2016/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 không công nhận nội dung khiếu nại của ông

Phạm Văn H. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện của ông H, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định.

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ về việc yêu cầu: “Hủy Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại; Hủy Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại; Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất; Hủy Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân; Hủy Quyết định số 6863/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ; Buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ theo đúng quy định pháp luật”.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét bố trí đất tái định cư cho hộ ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông H và bà Đ.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng:Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.Về nội dung vụ án,đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ được cha mẹ tặng cho hai vợ chồng một diện tích đất để tạo lập chỗ ở riêng và được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 09/02/2011 tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 29, diện tích 1223m². Theo GCNQSD đất thì có 150m² đất ở nông thôn và 1073m² đất trồng cây lâu năm khác.

Vào năm 2012 ông H xây móng làm nhà ở thì bị bệnh do vậy phải tạm ngưng xây dựng. Ngày 10/9/2013 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N ban hành Quyết định 4462/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông H với diện tích 991,6m² tại thửa 807, tờ bản đồ số 7 để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư, nhà ở công nhân T1 - đợt 2 tại thôn M, xã T1, huyện N. Trong đó thu hồi đất ở là 150m² đất trồng cây lâu năm khác là 841,6m².

Ngày 01/11/2013, UBND huyện N ban hành Quyết định 6863/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H tổng số tiền hộ gia đình ông H được bồi thường là 293.995.228 đồng trong đó:

Bồi thường về đất: 72.724.800 đồng

Bồi thường về nhà ở vật kiến trúc khác: 83.932.858 đồng.

Bồi thường về cây cối hoa màu: 19.306.800.

Hỗ Trợ ổn định đời sống: 14.400.000 đồng.

Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn ao và CĐN

Khi thu hồi đất nông nghiệp: 103.630.800 đồng.

Ông Phạm Văn H không đồng ý với quyết định 6863/QĐ –UBND, ông H yêu cầu được bố trí đất tái định cư, bồi thường đủ diện tích đất theo giấy chứng nhận QSD đất là 1.223m², ngoài ra ông H còn yêu cầu được xem xét về giá đền bù và bồi thường hỗ trợ khác về đất nông nghiệp.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về diện tích đất bị thu hồi: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 09/02/2011, thửa đất số 559, tờ bản đồ số 29, có diện tích 1223m², trong đó có 150m² đất ở nông thôn và 1073m² đất trồng cây lâu năm khác.

Tại Biên bản kiểm kê số 22/BBKK ngày 22/01/2013 hộ ông H đã thống nhất ký vào biên bản thu hồi diện tích đất thực tế sử dụng đất ở nông thôn 150m², loại đất cây lâu năm khác 841,6m².

Tại Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn H với diện tích thực tế 991,6m² thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 7; trong đó thu hồi đất ở nông thôn 150m², loại đất cây lâu năm khác 841,6m².

Như vậy giữa diện tích đất trong GCNQSD đất và diện tích thực tế sử dụng đất có sự chênh lệch, Ủy ban nhân dân huyện N căn cứ vào biên bản kiểm kê thực tế để bồi thường đất theo biên bản kiểm kê là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, ông H yêu cầu tiếp tục thu hồi đất, bồi thường phần diện tích đất còn thiếu là 81,4m² là không có cơ sở để chấp nhận. Nội dung kháng cáo này của ông H không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo về nội dung tăng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

Ông Phạm Văn H cho rằng trong diện tích đất vườn của vợ chồng ông phải được hỗ trợ bằng 2 lần giá trị 32.000 đồng theo quy định chứ không phải hỗ trợ 1,5 lần.

Xét thấy: Theo quy định tại tiết d, điểm 1.1, khoản 1 Điều 29 Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định thì đất cây lâu năm khác được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 1,5 lần.

Tại Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn H với diện tích thực tế 991,6m² thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 7; trong đó thu hồi đất ở nông thôn 150m², loại đất cây lâu năm khác 841,6m².

Tại GCNQSDĐ do UBND huyện N cấp cho hộ gia đình ông Phạm Văn H ghi diện tích 150m² đất ở, 1073m² đất trồng cây lâu năm khác. Do đó, việc hỗ trợ với hệ số 1,5 lần đất trồng cây lâu năm khác đối với Phạm Văn H là phù hợp theo quy định pháp luật, và không thuộc trường hợp quy định tại điểm c, tiết 1.1, khoản 1 Điều 29 của Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam. Đơn kháng cáo của ông H về nội dung nêu trên không được chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ về yêu cầu được tái định cư, Hội đồng xét thấy:

Trong quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn H với diện tích thực tế 991,6m² trong đó thu hồi đất ở nông thôn 150m², trên đất này hộ gia đình ông H đã xây móng nhà vào cuối năm 2012, tuy nhiên ông H bị bệnh nên chưa xây dựng tiếp thì năm 2013 Ủy ban nhân dân tỉnh có thông báo quy hoạch, và thu hồi đất dùng vào mục đích thực hiện công trình Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư, nhà ở công nhân T1 - đợt 2 tại thôn M, xã T1, huyện N.

Xét thấy: Vợ chồng ông H, bà Đ đều là công nhân của khu Công nghiệp Tân Anh Nam, căn cứ vào Bản báo cáo số 32/BC- UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã Tam An, thể hiện hộ ông H không có đất ở nào khác ngoài thửa đất số 559 tờ bản đồ số 29, vợ chồng ông H đang ở nhờ nhà cha mẹ. Như vậy ông H được cấp đất ở và nay bị thu hồi và không có chỗ ở nào khác, áp dụng các quy định tại Quyết định số 23/ 2010/QĐ – UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh

Quảng Nam tại tiết 1.2, khoản 1, Điều 29 quy định “*Nếu hộ gia đình, cá nhân không nhận tiền thì được hỗ trợ một lần bằng một suất đất ở hoặc một suất đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Việc áp dụng theo hình thức này được thực hiện đối với các địa phương có điều kiện về quỹ đất ở.*”

Tại mục điểm 1.1 điểm 1 và 3 mục 12 của Quyết định số 14/2013/UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định về giao đất ở tái định cư nêu rõ các trường hợp được giao đất tái định cư:

“ Hộ gia đình cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở, mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường thị trấn nơi có đất bị thu hồi”

“ Đối với các dự án xây dựng khu tái định cư, dự án khai thác quỹ đất thì phải ưu tiên bố trí lại chỗ ở tại chỗ và vị trí thuận lợi cho các hộ gia đình và cá nhân có nhà ở trong dự án khu tái định cư..”

Như vậy hộ gia đình ông H được cấp đất ở nay bị thu hồi, và không có chỗ ở nào khác, lại là công nhân của chính khu Công nghiệp được dự án làm khu tái định cư, trên đất có móng nhà đang xây dở dang, Ủy ban nhân dân huyện N cho rằng vì không có nhà ở trên đất nên không bố trí tái định cư là áp dụng các quy định và đánh giá sự việc không toàn diện, gây ảnh hưởng đến quyền lợi và quyền có chỗ ở của người bị thu hồi hết đất, giải quyết sự việc không thấu tình đạt lý, gây bức xúc khiếu kiện cho người dân.

Từ đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H và Bà Phạm Thị Đồng, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy một phần các quyết định có liên quan đến việc giải quyết đền bù cho hộ ông Phạm Văn H, để buộc Ủy ban nhân dân huyện N tỉnh Quảng Nam phải thực hiện việc đền bù về tái định cư đối với gia đình ông H.

Đối với các quyết định về cưỡng chế và thu hồi đất; đến nay đã thực hiện xong và việc cưỡng chế để thực hiện đúng tiến độ của dự án, nên hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên quyết định cưỡng chế cũng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông H.

Án phí: Ông H và bà Đ không phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ.

Sửa quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

I/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ.

1. Hủy Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại;

2. Hủy Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại;

3. Hủy Quyết định số 6863/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ;

Buộc UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết, bồi thường, hỗ trợ về tái định cư cho ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Kim Đ theo đúng quy định pháp luật.

II/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ đối với các nội dung yêu cầu:

Hủy Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân;

Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc cưỡng chế thu hồi đất;

Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm:

* Ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Kim Đ số tiền 300.000 án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000242 ngày 24/12/2018 và số 0000313 ngày 14/6/2019, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành